

UỶ BAN NHÂN DÂN
Tỉnh Thái Nguyên

Số: *1787* /2002/QĐ-UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

V55b

Thái Nguyên, ngày *14* tháng 6 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

V/v phê duyệt Quy trình thẩm định, phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp Phiếu xác nhận môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên .

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND;
- Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá X, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 9/6/2000.
- Căn cứ Nghị định số 175 /NĐ-CP, ngày 18/10/1994 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 490/TT-BKHCNMT, ngày 29/4/1998 của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường hướng dẫn lập và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư.
- Căn cứ Quyết định số 3768/QĐ-UB, ngày 4/10/2001 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Đề án “Cải thiện môi trường đầu tư tỉnh Thái Nguyên”
- Xét đề nghị của Giám đốc của Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tại Tờ trình số 217/TT-KCM, ngày 11/6/2002,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình thẩm định, phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp Phiếu xác nhận môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2: Giao cho Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra các địa phương, đơn vị và Chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện.

Điều 3 :- Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng HĐND & UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành

liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ (b/c)
- TT HĐND tỉnh (b/c)
- Như Điều 3 (T.hiện)
- Chủ tịch, các PCT tỉnh
- Các thành viên BCĐ Đề án “Cải thiện môi trường đầu tư”
- Các Sở, Ban, Ngành trong tỉnh.
- Lãnh đạo VP(A.Khanh,A.Hiến)
- Lưu VT, SXKD,VX, TH.

Hết

TM/ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
CHỦ TỊCH



Lương Đức Tính



39

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

**QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH, PHÊ CHUẨN BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG,
CẤP PHIẾU XÁC NHẬN MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ MỚI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1787 /2002/QĐ-UB ngày
4/6/2002 của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

PHẦN I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1:

1.1. Thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường là xem xét và đánh giá những dự báo về các khả năng gây tác động đến môi trường của dự án trong quá trình thi công và khi đi vào hoạt động sản xuất, đánh giá tính khả thi của các phương án giảm thiểu ô nhiễm đối với các nguồn gây ô nhiễm môi trường.

1.2. Quy trình này áp dụng đối với các dự án đầu tư trong nước, đầu tư trực tiếp nước ngoài (gọi chung là dự án đầu tư) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2: Các dự án đầu tư phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường theo phân loại sau:

2.1. Dự án đầu tư mới có quy mô lớn - Được gọi là các dự án loại I (xem phụ lục I) bắt buộc phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (gọi tắt là Báo cáo ĐTM). Các dự án thuộc loại này phải tiến hành lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường qua 2 bước:

- **Bước 1:** Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường sơ bộ để xin cấp phép đầu tư (theo mẫu tại Phụ lục II)

- **Bước 2:** Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết sau khi có giấy phép đầu tư (theo mẫu tại Phụ lục IV)

2.2. Các dự án và cơ sở sản xuất quy mô nhỏ (nằm ngoài danh mục quy định tại Phụ lục I) chỉ phải lập Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường (gọi tắt là Bản ĐKMT) - Theo mẫu phụ lục VI.

Điều 3: Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường là cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định Báo cáo ĐTM, có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn các chủ đầu tư lập hồ sơ xin thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường/ Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

2. Tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định các Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh hoặc theo uỷ quyền của Bộ trưởng Bộ KH&CN&MT.

3. Giám đốc Sở Khoa học Công nghệ Môi trường ra quyết định phê chuẩn đối với các Báo cáo đánh giá tác động môi trường/cấp Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đối với Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường do Hội đồng thẩm định cấp tỉnh thẩm định theo uỷ quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các cam kết về bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và thực hiện kiểm soát ô nhiễm của các Chủ dự án sau khi dự án được phê duyệt, đi vào hoạt động.

PHẦN II QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH

Điều 5: Hồ sơ xin thẩm định

5.1. Giai đoạn xin cấp phép đầu tư:

a. Đối với các dự án loại I: Trong hồ sơ của các dự án loại I phải có một phần hoặc một chương nêu sơ lược về các tác động tiềm tàng của dự án đến môi trường (Theo mẫu phụ lục II). Đây là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường xem xét trong quá trình thẩm định hồ sơ.

b. Đối với các dự án loại II:

- Đơn xin đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường (Theo mẫu phụ lục V)
- 03 Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường. Nếu là dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài phải có 1 Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường bằng tiếng Anh. (Nội dung Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường được quy định tại phụ lục VI).
- 01 bản Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc giải trình kinh tế kỹ thuật của dự án
- Giấy tờ khác có liên quan đến đất đai nơi thực hiện dự án và tư cách pháp nhân của chủ dự án, tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh có dự án.

5.2. Giai đoạn thiết kế xây dựng: (*Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường bước 2 đối với các dự án loại I*). Sau khi đã được cấp Giấy phép đầu tư và xác định địa điểm thực hiện, các dự án loại I phải lập Báo cáo đánh giá tác

động môi trường và trình nộp cho cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường thẩm định.

** Hồ sơ xin thẩm định gồm:*

- Đơn xin thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (theo mẫu tại phụ lục III)

- 07 bản Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Nếu là dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài phải có thêm 01 bản bằng tiếng Anh (theo mẫu phụ lục IV).

- 01 bản Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc giải trình kinh tế kỹ thuật của dự án.

- Giấy tờ khác có liên quan đến đất đai nơi thực hiện dự án và tư cách pháp nhân của chủ dự án, tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh có dự án.

Điều 6: Tiếp nhận hồ sơ:

6.1. Đối với Báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án loại I:

Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, phòng Thẩm định Cục Môi trường trực tiếp thụ lý hồ sơ.

6.2. Đối với các dự án loại II (không thuộc danh mục dự án loại I):

Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định tiếp nhận hồ sơ

6.3. Các yêu cầu đối với một Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường:

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường phải do các cơ quan và tổ chức có đủ điều kiện về chuyên môn và cơ sở vật chất thực hiện.

+ Các phương pháp đánh giá tác động môi trường được sử dụng có đảm bảo tính khách quan, tính khoa học, tính thực tiễn và phù hợp với trình độ quốc tế hiện hành.

+ Hình thức: phải được đóng thành quyển và trình bày sạch, đẹp.

+ Kết cấu, bố cục phải chặt chẽ, logic và đầy đủ các nội dung theo hướng dẫn tại phụ lục II, phụ lục IV, phụ lục IV.

* Trong thời gian từ 2 - 3 ngày kể từ khi nhận hồ sơ, Sở KH&CN&MT sẽ xem xét và thông báo cho chủ đầu tư về tính hợp lệ của hồ sơ. Nếu Báo cáo/Bản đăng ký chưa đạt yêu cầu quy định, Chủ dự án sẽ phải bổ sung, sửa đổi hoặc lập lại báo cáo theo yêu cầu. Khi hồ sơ đã được bổ sung và sửa đổi, được tính là mốc thời gian nộp hồ sơ chính thức.

Điều 7: Phân cấp thẩm định

7.1. Việc thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường do Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường chịu trách nhiệm thẩm định, được phân theo 2 cấp:

7.1.1. Hội đồng thẩm định cấp Trung ương do Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ và môi trường ra Quyết định thành lập.

7.1.2. Hội đồng thẩm định cấp tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh ra Quyết định thành lập. Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Thái Nguyên là cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường tỉnh Thái Nguyên, các thành viên Hội đồng thẩm định là các chuyên gia chuyên ngành được mời tham gia Hội đồng tùy theo tính chất của từng Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Hội đồng không quá 11 thành viên.

7.2. Theo phân cấp quy định các Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường thuộc phạm vi cấp nào sẽ do Hội đồng thẩm định cấp đó chịu trách nhiệm thẩm định.

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án lớn quy định tại phụ lục I và phụ lục VII do Bộ Khoa học Công nghệ và môi trường thẩm định, Chủ dự án chỉ phải nộp cho cơ quan quản lý môi trường của tỉnh 1 bộ hồ sơ để theo dõi quản lý trên địa bàn tỉnh.

+ Các báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án thuộc phụ lục I và VII được Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường uỷ quyền cho địa phương sẽ do Hội đồng thẩm định của tỉnh thẩm định.

+ Các dự án nhỏ không thuộc dự án loại I phải lập Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường do Hội đồng thẩm định cấp tỉnh thẩm định.

Điều 8: Thời gian thẩm định:

- Đối với các Báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án loại I, các dự án thuộc danh mục tại Phụ lục VII (nếu được Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường uỷ quyền thẩm định): Thời gian thẩm định không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian Chủ dự án phải sửa đổi, bổ xung hoặc lập lại Báo cáo theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định).

- Đối với Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường: Thời gian thẩm định không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian Chủ dự án phải sửa đổi, bổ xung hoặc lập lại Bản đăng ký theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định).

43

Điều 9: Kinh phí thẩm định:

Áp dụng mức chi theo Thông tư 45/2001/TTLT/BTC-BKHCNMT ngày 18/6/2001 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học Công nghệ Môi trường về việc hướng dẫn một số chế độ chi tiêu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Mức kinh phí chi bồi dưỡng cho 1 Hội đồng thẩm định trong mỗi lần thẩm định từ 750.000 đồng - 1.250.000 đồng (mức kinh phí này tùy thuộc vào số lượng thành viên tham gia Hội đồng thẩm định - không quá 11 thành viên).

PHẦN III
PHÊ CHUẨN BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG.

Điều 10: Sau khi có kết quả đánh giá của Hội đồng thẩm định:

- Đối với Báo cáo đánh giá tác động môi trường (chậm nhất sau 3 ngày) Giám đốc Sở khoa học công nghệ và môi trường phải ra Quyết định phê chuẩn theo uỷ quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Đối với Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường (chậm nhất sau 2 ngày) Giám đốc Sở KHCN&MT phải cấp Phiếu xác nhận theo uỷ quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.

PHẦN V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11: Các ngành, các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư, liên quan đến dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện quy trình này, nếu làm trái hoặc vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật.

Điều 12: Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc, phát sinh Sở Khoa học CN&MT là đầu mối tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, sửa đổi.

TM/UY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
CHỦ TỊCH

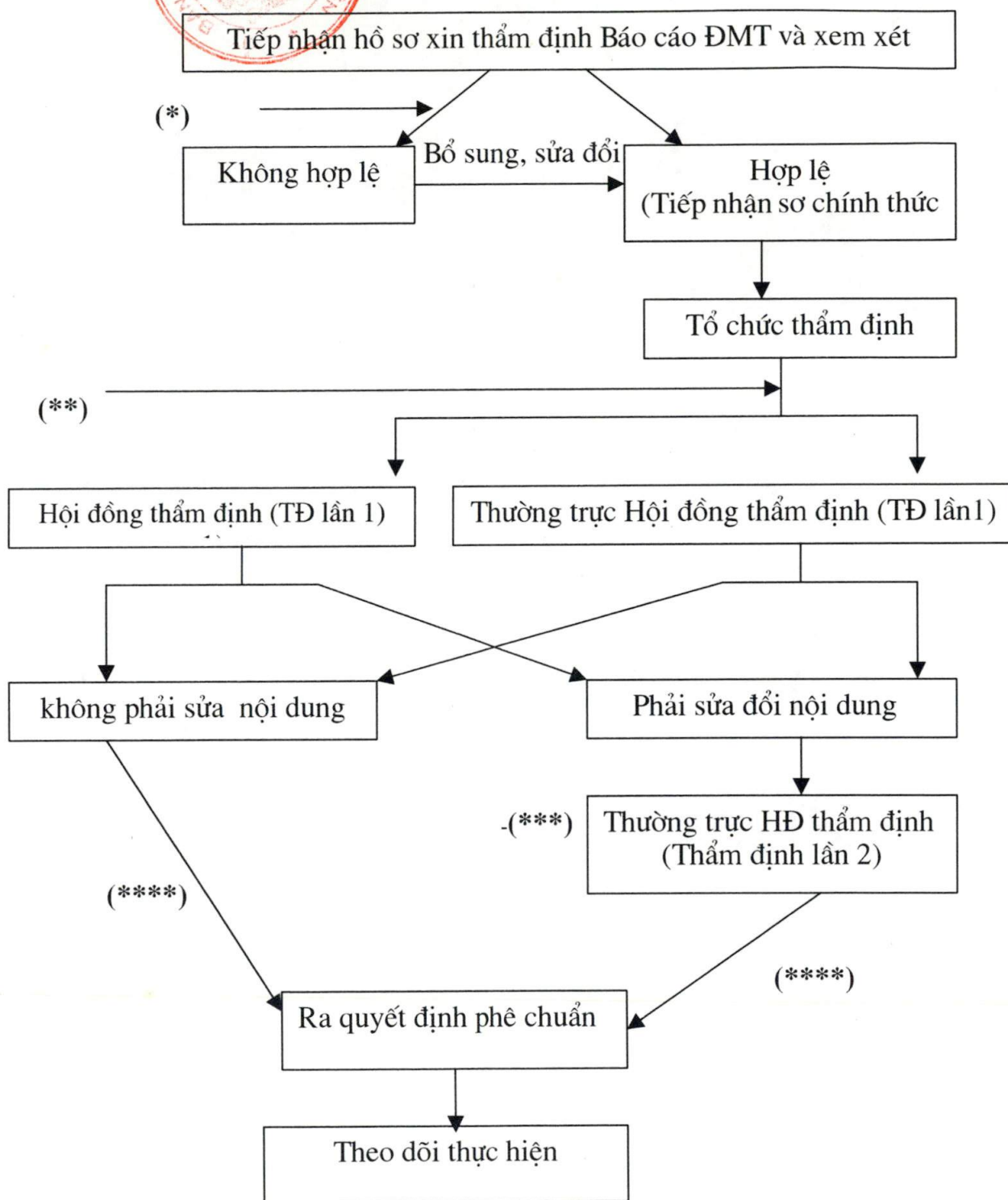



Lương Đức Tính



44

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH



Ghi chú: (*): Thời gian 1 - 2 ngày đối với ĐKMT; 2 - 3 ngày đối với Báo cáo ĐTM
(**): Thời gian 3 - 4 ngày đối với ĐKMT; 5 - 6 ngày đối với Báo cáo ĐTM
(***): Thời gian 2 ngày đối với ĐKMT; 2 - 3 ngày đối với Báo cáo ĐTM
(****): Thời gian 2 ngày đối với ĐKMT; 2 - 3 ngày đối với Báo cáo ĐTM

Phụ lục I:



DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHẢI TRÌNH DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Công trình nằm trong hoặc kế cận các khu vực nhạy cảm về môi trường, các khu bảo tồn thiên nhiên, khu du lịch, di tích văn hoá, lịch sử có tầm cỡ quốc gia và quốc tế.
2. Quy hoạch:
 - 2.1. Phát triển vùng;
 - 2.2. Phát triển ngành;
 - 2.3. Đô thị;
 - 2.4. Khu Công nghiệp/Khu chế xuất;
3. Về dầu khí:
 - 3.1. Khai thác;
 - 3.2. Chế biến;
 - 3.3. Vận chuyển;
 - 3.4. Kho xăng dầu (dung tích từ 20.000m³ trở lên);
4. Nhà máy luyện gang thép, kim loại màu (công suất từ 100.000 tấn sản phẩm/năm trở lên),
5. Nhà máy thuộc da (từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên),
6. Nhà máy Dệt nhuộm (từ 20 triệu m vải/năm trở lên),
7. Nhà máy sơn (công suất từ 1000T sản phẩm/năm), chế biến cao su (công suất từ 10.000T sản phẩm/năm).
8. Nhà máy đường (công suất từ 100.000 T mía/năm trở lên),
9. Nhà máy chế biến thực phẩm (công suất từ 1000T sản phẩm/năm),
10. Nhà máy đông lạnh (công suất từ 1000T sản phẩm /năm),
11. Nhà máy Nhiệt điện (công suất từ 200MW trở lên).
12. Nhà máy bột giấy và giấy (công suất từ 40.000 tấn bột giấy/năm trở lên),
13. Nhà máy xi măng (công suất từ 1 triệu tấn xi măng/năm trở lên).
14. Khu du lịch, giải trí (diện tích từ 100 ha trở lên).
15. Sân bay.
16. Bến cảng (cho tàu trọng tải từ 10.000DWT trở lên).
17. Đường sắt, đường ô tô cao tốc, đường ô tô (thuộc cấp I đến cấp III theo tiêu chuẩn TCVN 4054-85) có chiều dài trên 50km.



18. Nhà máy thủy điện(hồ chứa nước từ 100 triệu m³ nước trở lên).
19. Công trình thủy lợi (tưới, tiêu, ngăn mặn... từ 10.000ha trở lên).
20. Xử lý chất thải (khu xử lý nước thải tập trung công suất từ 100.000m³/ngày đêm trở lên; bãi chôn lấp chất thải rắn).
21. Khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng (tổng khối lượng khoáng sản rắn và đất đá từ 100.000m³/năm trở lên).
22. Lâm trường khai thác gỗ(tất cả).
23. Khu nuôi trồng thủy sản (diện tích từ 200ha trở lên).
24. Sản xuất, kho chứa và sử dụng hoá chất độc hại(tất cả).
25. Lò phản ứng hạt nhân(tất cả).

** Các dự án nói trên nếu đầu tư vào các khu công nghiệp/khu chế xuất đã được cấp quyết định phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường sẽ được đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường trên cơ sở tự xác lập và phân tích báo cáo đánh giá tác động môi trường của mình.*



Phụ lục II

GIẢI TRÌNH VỀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG

(Trong luận chứng khả thi hoặc báo cáo giải trình kinh tế - kỹ thuật để xin Giấy phép đầu tư)

I. Thuyết minh tóm tắt những yếu tố chính ảnh hưởng tới môi trường.

1. Tư liệu về hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án (chất lượng nước mặt, nước ngầm, không khí, hệ sinh thái...). Nhận xét tổng quát mức độ ô nhiễm tại địa điểm sẽ thực hiện dự án.

2. Mô tả sơ đồ/quy trình công nghệ sản xuất, nguyên, nhiên liệu sẽ sử dụng, danh mục hoá chất...(nếu trong giải trình kinh tế kỹ thuật thuyết minh chưa rõ).

3. Khi thực hiện dự án, thuyết minh rõ những yếu tố chính sẽ ảnh hưởng tới môi trường do hoạt động của dự án (ước lượng các loại: khí thải, nước thải, chất thải rắn, tiếng ồn...). Dự đoán mức độ ảnh hưởng có thể xảy ra đối với môi trường.

II. Đề xuất (tóm tắt) giải pháp khắc phục các ảnh hưởng tiêu cực của dự án đến môi trường.



Phụ lục III

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Địa điểm), ngày tháng năm 200...

**ĐƠN XIN THẨM ĐỊNH
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Kính gửi: Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.
(UBND Tỉnh Thái Nguyên)

Chúng tôi là..... Chủ Dự án.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Địa điểm thực hiện dự án:.....

Số điện thoại:.....; Số Fax.....

Chúng tôi xin chuyển đến Quý Bộ (UBND Tỉnh/Tp) những hồ sơ sau:

- Luận chứng kinh tế kỹ thuật (01 bản tiếng Việt),
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường (07 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Anh).

Chúng tôi xin bảo đảm độ chính xác của các số liệu trong các văn bản đưa trình và cam kết rằng Dự án của chúng tôi không sử dụng các loại hoá chất, chủng vi sinh trong danh mục cấm của Việt Nam và trong các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Chúng tôi cũng xin bảo đảm rằng các tiêu chuẩn, định mức của các nước và các tổ chức quốc tế được trích lục và sử dụng trong Báo cáo của chúng tôi đều chính xác và đang có hiệu lực.

Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chúng tôi làm đơn này đề nghị Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (UBND Tỉnh Thái Nguyên được uỷ quyền) thẩm định.

Giám đốc Dự án
(Ký tên và đóng dấu)



Phụ lục IV (Dành cho các dự án loại I - giai đoạn thiết kế xây dựng)

NỘI DUNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CHI TIẾT

I. Mở đầu

1. Mục đích Báo cáo
2. Tình hình tài liệu, số liệu làm căn cứ của Báo cáo
3. Sự lựa chọn phương pháp đánh giá
4. Tổ chức, thành viên, phương pháp và quá trình làm việc trong biên soạn Báo cáo.

II. Mô tả sơ lược về dự án:

1. Tên dự án
2. Tên cơ quan chủ quản, cơ quan thực hiện việc xây dựng Luận chứng kinh tế kỹ thuật hoặc văn bản có giá trị tương đương của dự án
3. Mục tiêu kinh tế xã hội, ý nghĩa chính trị của dự án
4. Nội dung cơ bản của dự án. Lợi ích kinh tế - xã hội mà dự án có khả năng đem lại.
5. Tiến độ của dự án, dự kiến quá trình khai thác dự án
6. Chi phí cho dự án, quá trình chi phí.

III. Hiện trạng môi trường tại địa điểm thực hiện dự án

1. Mô tả khái quát về điều kiện địa lý tự nhiên, kinh tế xã hội có liên quan tại địa điểm thực hiện dự án.
2. Dự báo diễn biến của các điều kiện trên trong điều kiện không thực hiện dự án

IV. Tác động của việc thực hiện dự án đến các yếu tố tài nguyên và môi trường

1. Mô tả tác động của việc thực hiện dự án đến từng yếu tố môi trường tại địa điểm thực hiện dự án:

Trình bày tính chất, phạm vi, mức độ, diễn biến thời gian của từng tác động. So sánh với trường hợp không thực hiện dự án.

A. Tác động đối với các dạng môi trường vật lý (thủy quyển, khí quyển, thạch quyển)

B. Tác động đối với các dạng tài nguyên sinh vật và các hệ sinh thái:



1. Tài nguyên sinh vật ở nước

2. Tài nguyên sinh vật ở cạn

c. Tác động đối với các tài nguyên đã được con người sử dụng

1. Cung cấp nước, giao thông vận tải

2. Nông nghiệp

3. Thuỷ lợi

4. Năng lượng

6. Khai khoáng

7. Công nghiệp

8. Thủ công nghiệp

9. Sử dụng đất vào các mục tiêu khác nhau

10. Giải trí, bảo vệ sức khoẻ

D. Tác động đối với các điều kiện trực tiếp ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống con người:

1. Điều kiện kinh tế - xã hội

2. Điều kiện văn hoá

3. Điều kiện mỹ thuật

E. Diễn biến tổng hợp về môi trường trong trường hợp thực hiện dự án.

Phân tích diễn biến tổng hợp theo từng phương án thực hiện dự án

Những tổn thất về tài nguyên và môi trường theo từng phương án. Định hướng các khả năng khắc phục

So sánh được, mất và lợi, hại về kinh tế - xã hội và tài nguyên môi trường theo từng phương án.

Trong phần này cần nêu rõ:

- Các chất đưa vào sản xuất

- Các chất thải của sản xuất

- Các sản phẩm

- Dự báo tác động của chất đó đối với môi trường

V. Các biện pháp khắc phục tác động tiêu cực của dự án đến môi trường

Trình bày các biện pháp có tính chất kỹ thuật, công nghệ, tổ chức - điều hành nhằm khắc phục các tác động tiêu cực đến môi trường của dự án.



So sánh lợi ích thu được và chi phí phải bỏ ra cho từng biện pháp của dự án

VI. Đánh giá chung:

Đánh giá chung về mức độ tin cậy của các dự báo đánh giá tác động môi trường. Các công tác nghiên cứu điều tra, khảo sát đo đạc cần được tiếp tục thực hiện để có kết luận đáng tin cậy hơn và tiếp tục điều chỉnh dự báo đánh giá tác động môi trường trong tương lai.

VII. Kiến nghị về lựa chọn phương án thực hiện dự án

1. Kiến nghị về lựa chọn phương án thực hiện dự án trên quan điểm bảo vệ môi trường
2. Kiến nghị về các biện pháp bảo vệ môi trường kèm theo phương án được đề nghị chấp thuận.

Phụ lục V



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa điểm), ngày tháng năm 200...

ĐƠN XIN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

Kính gửi: Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Thái Nguyên

Chúng tôi là.....Chủ Dự án.....

.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Địa điểm thực hiện dự án:.....

Số điện thoại:.....; Số Fax.....

Chúng tôi xin chuyển đến Quý Sở những hồ sơ sau:

- Luận chứng kinh tế kỹ thuật (01 bản tiếng Việt),
- Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường (03 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Anh).

Chúng tôi xin bảo đảm độ chính xác của các số liệu trong các văn bản đưa trình và cam kết rằng Dự án của chúng tôi không sử dụng các loại hoá chất, chủng vi sinh trong danh mục cấm của Việt Nam và trong các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Chúng tôi cũng xin bảo đảm rằng các tiêu chuẩn, định mức của các nước và các tổ chức quốc tế được trích lục và sử dụng trong bản đăng ký của chúng tôi đều chính xác và đang có hiệu lực. Chúng tôi xin cam đoan sẽ tiến hành xây dựng các công trình xử lý chất thải đúng thời hạn và sẽ đảm bảo kinh phí vận hành công trình xử lý và giám sát môi trường.

Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chúng tôi làm đơn này đề nghị Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường xác nhận.

Giám đốc Dự án
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục VI

(Dành cho các dự án Không thuộc dự án loại I - trong giai đoạn xin cấp phép đầu tư)



NỘI DUNG BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

- Tên dự án:
- Địa chỉ liên hệ:
- Số điện thoại: ; Số Fax:

1- Mô tả địa điểm dự kiến triển khai các hoạt động của dự án

- Vị trí: Cần phải nêu được tọa độ địa lý, địa danh địa lý, cự ly so với trung tâm (huyện, thành, thị...); Sơ lược những nét cơ bản về điều kiện TN-KTXH khu vực

- Diện tích mặt bằng: Nêu rõ tổng diện tích, kích thước các chiều, diện tích từng hạng mục công trình được bố trí trên mặt bằng. Cần được thể hiện chi tiết trên sơ đồ mặt bằng dự án.

- Khoảng cách gần nhất đến các khu dân cư và các công trình xung quanh: Nêu rõ khoảng cách tiếp cận theo các hướng tính từ hàng rào sản xuất, từ nơi có nguồn gây ô nhiễm. Cần phải thể hiện rõ trên sơ đồ mặt bằng.

- Hiện trạng sử dụng khu đất: Nêu rõ đất này đang sử dụng làm gì trước khi dự án tiếp cận.

- Nguồn cung cấp nước, điểm lấy nước, nhu cầu nước/ ngày đêm: Nêu rõ các nguồn cung cấp nước và các mục đích sản xuất sinh hoạt...

- Hệ thống giao thông cung cấp nguyên liệu và vận chuyển sản phẩm: Nêu các trục giao thông đường bộ, đường thủy cần sử dụng trong quá trình thi công và khi đi vào hoạt động sản xuất (kể cả đường liên thôn, liên xã, tỉnh lộ, quốc lộ), cần phải nêu được kích thước, tải trọng chất lượng mặt đường hiện tại;

- Nơi tiếp nhận nước thải từ các hoạt động của dự án (kể cả giai đoạn thi công và khi đi vào hoạt động): Tiếp nhận để xử lý trước khi thải ra ngoài như thế nào và được thải vào đâu khi thải ra ngoài môi trường (ao, hồ, sông, suối, đồng ruộng...)

- Nơi lưu giữ và xử lý chất thải rắn: Nơi lưu giữ từng loại chất thải rắn (nếu hoạt động của dự án có nhiều nguồn phát sinh nhiều loại chất thải rắn) trong mặt bằng dự án và khi thải ra ngoài môi trường



2- Tóm tắt công nghệ sản xuất (*Lưu ý: nếu dự án bao gồm cả vùng khai thác và cung cấp nguyên liệu thì phải mô tả rõ các vấn đề liên quan*).

- Tổng vốn đầu tư: Nêu rõ từng hạng mục cơ bản cần phải đầu tư. Tốt nhất là nên lập thành biểu, bao gồm các mục sau: Số TT, tên hạng mục, đơn vị tính, khối lượng công việc, kinh phí đầu tư, ghi chú...)

- Dự kiến doanh thu:

- Công xuất thiết kế: Nêu sản lượng, chất lượng từng loại sản phẩm;

- Thời gian bắt đầu thực hiện dự án;

- Thời gian hoàn thành các hạng mục công trình và đi vào hoạt động;

- Danh mục nguyên liệu, nhiên liệu, phụ liệu (tính chất, nhu cầu hàng năm, nơi cung cấp): Thống kê danh mục từng loại nguyên, nhiên liệu, phụ liệu; định mức tiêu hao nguyên liệu cho 1 TSP, cho 1 ca sản xuất, cho 1 ngày sản xuất, cho 1 tháng sản xuất, cho 1 năm sản xuất... (nên lập thành biểu gồm các mục: Số TT, tên nguyên, nhiên liệu, phụ liệu; đơn vị tính; khối lượng, chất lượng, nguồn cung cấp, ghi chú

- Phương thức vận chuyển, cung cấp và bảo quản nguyên liệu, nhiên liệu và phụ liệu: nêu phương thức bảo quản vận chuyển đối với từng loại nguyên, nhiên liệu, phụ liệu nhất là đối với các loại dễ gây sự cố cháy nổ, rò rỉ...;

- Quy trình công nghệ và thiết bị lựa chọn (*Lưu ý: mô tả đầy đủ cả các công đoạn phụ trợ: xử lý nước cấp, máy phát điện, nồi hơi, hệ thống gia nhiệt, hệ thống làm mát thiết bị...) cần phải nêu rõ:*

+ Các phương pháp lựa chọn công nghệ, thiết bị sản xuất;

+ Mô tả tóm tắt quy trình sản xuất từng loại sản phẩm (nếu có nhiều dây truyền sản xuất nhiều loại sản phẩm);

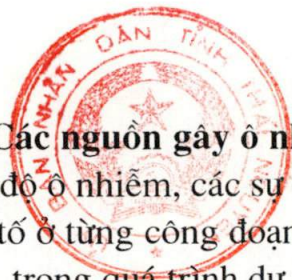
+ Vẽ sơ đồ công nghệ.....

- Đặc tính thiết bị: Nêu đầy đủ danh mục các thiết bị phục vụ sản xuất, số lượng từng loại, công xuất động cơ, công xuất sản xuất tính theo ca hoặc ngày sản xuất. Nên lập biểu gồm các mục sau: Số TT, tên thiết bị, đơn vị tính, số lượng từng thiết bị, công xuất động cơ - công xuất sản xuất, ký hiệu thiết bị, nơi sản xuất, ngoài ra cũng cần phải nêu cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các thiết bị chính

- Chất lượng sản phẩm:

- Phương thức bảo quản và vận chuyển sản phẩm:

- Phương án thiết kế các hạng mục công trình trong thi công và trong sản xuất;



3- Các nguồn gây ô nhiễm: Xác định các yếu tố gây ô nhiễm, tải lượng và nồng độ ô nhiễm, các sự cố môi trường có thể xảy ra, phạm vi tác động của các yếu tố ở từng công đoạn: Các nguồn gây ô nhiễm trong giai đoạn thiết kế thi công, trong quá trình dự án đi vào hoạt động;

- Khí thải

- + Nguồn phát sinh
- + Tải lượng
- + Nồng độ các chất ô nhiễm

- Nước thải (*Lưu ý: nêu rõ cả các thông số liên quan về nước làm mát, nước tuần hoàn trong quá trình sản xuất*).

- + Nguồn phát sinh
- + Tải lượng
- + Nồng độ các chất ô nhiễm

- Chất thải rắn

- + Nguồn phát sinh
- + Tải lượng
- + Nồng độ các chất ô nhiễm

- Sự cố do hoạt động của dự án: (cháy nổ, rò rỉ hoá chất, tràn dầu...)

- + Nguyên nhân nảy sinh
- + Quy mô ảnh hưởng

3- Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm: Nêu cụ thể các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm đối với từng nguồn gây ô nhiễm, từng yếu tố gây ô nhiễm (bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn...); hiệu quả của biện pháp áp dụng (thể hiện thông qua các thông số ô nhiễm trước khi áp dụng và sau khi áp dụng biện pháp) trong từng công đoạn thực hiện dự án: Giai đoạn thi công, giai đoạn hoạt động sản xuất.

- Hệ thống thu gom và xử lý khí thải:

- + Chiều cao ống khói
- + Đặc tính thiết bị xử lý
- + Công nghệ áp dụng và hiệu quả xử lý
- + Hoá chất sử dụng (lượng, thành phần)
- + Các chất thải từ quá trình xử lý



- + Dự kiến kinh phí xây dựng, lắp đặt và vận hành.
- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải:
 - + Đường thu gom và thoát nước
 - + Kết cấu bể xử lý
 - + Công nghệ áp dụng và hiệu quả xử lý
 - + Hoá chất sử dụng (lượng, thành phần)
 - + Các chất thải từ quá trình xử lý
 - + Dự kiến kinh phí xây dựng, lắp đặt và vận hành
- Quy trình thu gom và xử lý chất thải rắn:
 - + Kết cấu bể/ kho lưu giữ chất thải rắn
 - + Quy trình vận chuyển
 - + Kỹ thuật xử lý (phơi khô, đóng rắn, chôn lấp; thiêu huỷ; làm phân bón...)
 - + Dự kiến kinh phí xây dựng, lắp đặt và xử lý
- Tỷ lệ trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy
- Phương án phòng chống và ứng cứu sự cố:
 - + Thiết bị
 - + Quy trình
 - + Hoá chất sử dụng
 - + Hiệu quả
 - + Dự kiến kinh phí mua thiết bị, tập dượt định kỳ.

5- Chương trình giám sát môi trường:

- Vị trí giám sát :
 - + ở các vị trí có các công trình dân dụng: nhà dân, trường học, bệnh viện, bến tàu, bến xe, cơ quan.. .
 - + Vị trí theo hướng gió chủ đạo
 - + Vị trí có khả năng gây ảnh hưởng đến các hệ sinh thái cây trồng xung quanh
 - + Trong cơ sở sản xuất
 - + Tại ống khói (nếu có) hoặc tại nguồn phát sinh yếu tố ô nhiễm



57

- Các chỉ tiêu giám sát: Tùy theo từng loại hình sản xuất, công nghệ sản xuất, nguyên liệu đầu vào, nguồn gây ô nhiễm mà có chỉ tiêu cụ thể.

- Tần suất giám sát: Có thể là 3 tháng/lần; 6 tháng/lần; 1 năm/lần tùy thuộc vào mức độ, nguồn gây ô nhiễm và biện pháp khắc phục

- Dự kiến kinh phí thực hiện.

6- Cam kết đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường.

- Tiêu chuẩn Việt Nam áp dụng

- Tiêu chuẩn nước ngoài áp dụng nếu tiêu chuẩn Việt Nam không có (tên nước, năm ban hành, cơ quan ban hành, hiệu lực áp dụng). (Lưu ý: kèm theo bản sao toàn bộ nội dung tiêu chuẩn)

- Thời gian hoàn thành công trình xử lý

- Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các công ước quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam và để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

(Nơi lập bản đăng ký) ngày tháng năm 200...

Đại diện chủ đầu tư

(ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



Phụ lục VII

PHÂN CẤP THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

(Danh mục các dự án quy định tại phụ lục II theo hướng dẫn Nghị định 175/CP ngày 18/10/1994 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường)

TT	CÁC DỰ ÁN, CÁC CƠ SỞ ĐANG HOẠT ĐỘNG	BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG	SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
1	Khai thác mỏ	Mỏ lớn và trung bình	Mỏ nhỏ
2	Khoan thăm dò, khoan khai thác dầu, lọc dầu, hoá dầu và khí, đường ống dẫn dầu và khí	Tất cả	
3	Nhà máy hoá chất	Tất cả	
4	Nhà máy luyện gang	Tất cả	
5	Nhà máy luyện kim màu	Tất cả	
6	Nhà máy thuộc da	1000 T/năm trở lên	Còn lại
7	Nhà máy dệt nhuộm	30 triệu m/năm trở lên	Còn lại
8	Nhà máy thuốc Bảo vệ thực vật	Tất cả	
9	Nhà máy sơn, cao su	Tất cả	
10	Nhà máy chất dẻo	1000 T/năm trở lên	Còn lại
11	Các cơ sở sử dụng phóng xạ	Tất cả	
12	Sân bay	Tất cả	
13	Khu chế xuất	Tất cả	
14	Hồ chứa nước, đập thủy điện	1000 triệu m ³ trở lên	Còn lại
15	Hệ thống thủy lợi	Trên hạn ngạch	Còn lại
16	Nhà máy nhiệt điện và các dạng năng lượng khác	30 MW trở lên	Còn lại
17	Nhà máy xi măng	500.000 T/năm trở lên	Còn lại
18	Nhà máy bột giấy và giấy	40.000 T/năm trở lên	Còn lại
19	Xí nghiệp dược phẩm	Trung ương	Còn lại
20	Nhà máy phân bón	100.000 T/năm trở lên	Còn lại
21	Nhà máy chế biến thực phẩm	1000 T/năm trở lên	Còn lại



59

22	Nhà máy đường	100.000 T mía/năm trở lên	Còn lại
23	Bệnh viện	Trên 500 giường bệnh	Còn lại
24	Đường sắt, bộ cấp 1, 2, 3	Trên 50 km	Còn lại
25	Trạm biến thế điện	Trên 110 KW	Còn lại
26	Khu du lịch giải trí	Trên 100 ha	Còn lại
27	Kho xăng dầu	Trên 3000 m ³	Còn lại
28	Các loại kho hoá chất độc hại	Tất cả	
29	Nông trường	Trên 2000 ha	Còn lại
30	Lâm trường khai thác gỗ	Trên 3000 ha	Còn lại
31	Lâm trường trồng rừng công nghiệp	Trên 200 ha	Còn lại
32	Khu nuôi trồng thuỷ sản	200 ha	Còn lại
33	Bến cảng	Từ 100.000 T trở lên	Còn lại
34	Các nhà máy gỗ dán, ép, ván nhân tạo	Từ 500.000 m ² /năm	Còn lại
35	Khu di dân	Từ 500 hộ trở lên	Còn lại
36	Sử dụng bãi bồi	Từ 500 ha	Còn lại
37	Nhà máy cơ khí	50.000 TSP/năm	Còn lại
38	Cơ sở viễn thông	Trạm ra đa và các trạm phát sóng Trung ương	Còn lại
39	Nhà máy đông lạnh	Quy mô lớn và trung bình	Quy mô nhỏ
40	Khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng	Quy mô lớn và trung bình	Quy mô nhỏ
41	Khách sạn và khu thương mại	Quy mô lớn và trung bình	Quy mô nhỏ



Phụ lục VIII

**MỨC KINH PHÍ CHI BỒI DƯỠNG HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
MÔI TRƯỜNG/BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG**

*(Áp dụng theo hướng dẫn quy định tại Thông tư 45/2001/TTLT/BTC-
BKHCNMT ngày 18/6/2001)*

TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chủ tịch Hội đồng	Buổi	150.000,0
2	Ủy viên, thư ký	Buổi	100.000,0
3	Đại biểu mời tham dự	Buổi	50.000,0
4	Bài nhận xét của phản biện các thành viên Hội đồng	Bài viết	200.000,0
5	Bài nhận xét của các uỷ viên Hội đồng	Bài viết	100.000,0